

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH DI TÍCH

I/ Tên gọi di tích:

1. Tên gọi di tích được thống nhất sử dụng trong hồ sơ khoa học di tích: Miếu Ngũ hành.

2. Các tên gọi khác của di tích (nếu có) và nguồn gốc tên gọi đó: Miếu Bà.

II/ Địa điểm và đường đi đến di tích:

1. Địa điểm di tích:

- **Thời kỳ phong kiến:** Thuộc ấp Tu Lễ – làng Cẩm Phô – tổng Phú Triêm hạ – huyện Diên Phước – phủ Điện Bàn – tỉnh Quảng Nam.

- **Hiện nay:** Thuộc khối Tu Lễ – phường Cẩm Phô – thành phố Hội An – tỉnh Quảng Nam.

2. Đường đi đến di tích:

- **Đường bộ:** Từ bến xe Hội An (cũ), rẽ trái theo đường Hùng Vương đi thẳng về hướng Đông đến đường Trần Hưng Đạo, rẽ trái vào đường Lê Quý Đôn, đi thẳng khoảng 300m đến ngã 3, rẽ phải đi khoảng 20m đến ngã 3 tiếp tục rẽ phải khoảng 5m là đến di tích.

- Đường thủy: Không.

III/ Phân loại di tích:

Di tích kiến trúc nghệ thuật.

IV/ Sự kiện, nhân vật lịch sử, đặc điểm của di tích:

Miếu Ngũ hành hiện tọa lạc tại khối Tu Lễ - phường Cẩm Phô – thành phố Hội An. Làng Cẩm Phô là một trong những làng được hình thành sớm ở Hội An. Trong sách Ô Châu Cận lục ra đời vào đầu thế kỷ XVI, tác giả Dương Văn An có ghi địa danh làng Cẩm Phô. Theo tư liệu hồi cố, vào khoảng cuối thế kỷ XV, các vị tiền hiền tộc Trần, Huỳnh, Lê, Nguyễn từ Bắc bộ, Bắc Trung bộ đến định cư, khai cơ tại đây. Trong thời kỳ thương cảng Hội An phồn thịnh, Cẩm Phô đóng một vai trò quan trọng đối với sự phát triển, trao đổi thương mại biểu hiện qua sự lớn mạnh của nghề buôn ghe bầu, các nghề thủ công, gia công lâm thổ sản và ngư nông nghiệp. Đến thời nhà Nguyễn, Cẩm Phô là một xã bao gồm các ấp Tu Lễ, Xuân Lâm, Xuân Mỹ (nay thuộc phường Tân An), Trường Lê (nay thuộc phường Cẩm Châu) và các châu: Xuyên Trung, Châu Trung, Hà Trung (các châu này nay thuộc phường Cẩm Nam), về sau còn có thêm các ấp Trung Tín, Xuân Quang (nay thuộc phường Tân An). Làng Cẩm Phô cũng như bao làng xã người Việt xưa trên địa bàn Hội An, cư dân tại đây đã thiết lập nên một số công trình kiến trúc tín ngưỡng nhằm phục vụ đời sống tâm linh chung của cộng đồng cư dân địa phương, trong đó có miếu Ngũ hành tiên nương.

Về tín ngưỡng thờ Ngũ hành tiên nương. Ở miền Trung, Ngũ hành thường thờ ở miếu, gọi là *miếu Ngũ hành*. Theo hồi cố của các bậc cao niên, xưa kia gần như làng nào cũng có miếu Ngũ hành. Vào năm Duy Tân thứ 5 (*tức vào năm 1911*), triều đình nhà Nguyễn đã ban sắc phong chung cho năm Bà là các Đức Thánh Nương, Trứ Phong Dực Bảo Trung Hưng Thượng Đẳng Thần, phân chia ra là: Kim Đức Thánh Phi, Mộc Đức Thánh Phi, Thủy Đức Thánh Phi, Hỏa Đức Thánh Phi và Thổ Đức Thánh Phi. Ngũ hành trong quan niệm dân gian liên quan tới mọi mặt của đời sống con người, không kể người làm những nghề nghiệp khác nhau, như ngư nghiệp, nông nghiệp, thủ công nghiệp, buôn bán; không kể cư dân sống ở ven biển, dọc sông hay vùng đất bán sơn địa. Người ta thờ Bà Ngũ hành và cầu mong Bà phù hộ độ trì trong việc làm ăn, cầu sức khỏe, cầu may mắn, tránh rủi ro, hoạn nạn...

Về niên đại xây dựng ngôi miếu và đối tượng thờ tự hiện chưa có tư liệu để xác định. Tuy nhiên, qua phỏng vấn hồi cố các vị cao niên lân cận miếu cho biết: *“Từ lúc nhỏ đã nhìn thấy sự hiện diện của ngôi miếu và được nghe các vị cao niên trong làng nói rằng ngôi miếu đã có từ lâu. Trước năm 1975, tại ngôi miếu này thờ Bà Hội Trầu. Họ tên thật của Bà thì không được rõ, chỉ được nghe các vị tiền bối kể lại rằng xưa kia Bà là đầu mối buôn bán các sản liệu như trầu, cau, quế, hồ tiêu, trong đó chủ yếu là trầu. Sau khi Bà mất, do không có con nên người dân trong ấp đã xây dựng ngôi miếu trên đất của Bà để thờ phụng Bà”*.¹

Sau năm 1975, trước tác động của phong trào bài trừ mê tín dị đoan, các vị cao niên trong ấp lo ngại ngôi miếu sẽ bị hạ giải, cùng lúc đó ngôi miếu xuống cấp nên người dân đã tiến hành tu bổ nhỏ, chỉnh sửa chữ Hán trên án thờ thành: 五行 (Ngũ Hành) và xây dựng lại bức bình phong như hiện nay (*khoảng năm 1980*).²

VI/ Sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng liên quan đến di tích:

Hiện nay, nhân dân địa phương tổ chức lễ cúng theo phong tục cổ truyền mỗi năm một lần vào ngày 14 tháng 2 âm lịch, kỳ tế này có một mâm chay cúng Bà (*đặt trong miếu*) và một mâm mặn đặt ở ngoài miếu.

Người dân địa phương thường xuyên đến miếu Bà để dâng hương, hoa quả, bánh trái, trầu cau vào các ngày rằm và mùng một.

VI/ Khảo tả di tích:

Di tích có mặt tiền hướng về phía Tây Nam, trước mặt là khoanh sân, các hướng Đông, Nam, Bắc giáp nhà dân.

Tổng thể di tích gồm có bình phong, sân và miếu. Bình phong cách miếu 400cm, kích thước (*kể cả bệ thờ*): rộng 201cm, dày 81cm, quét vôi màu vàng, mặt ngoài không trang trí, mặt trong có một bệ thờ, sát tường đắp nổi 02 chữ Hán, quét vôi màu đỏ: 陰灵 (Âm linh). Bên trên bình phong có mái che xây bằng ximăng.

Miếu có kích thước 352 x 290cm, gồm có 01 gian, không có hệ cột, kèo bằng gỗ mà được bao bọc bởi tường xây, các mảng tường quét vôi màu vàng. Trên tường ngoài, vị trí sát phần nhón (*cả 2 bên*) có đắp nổi đồ án hình con dơi.

¹ Theo lời kể của ông Trần Thanh Tiên (*sinh năm 1955*) sinh sống gần di tích miếu Ngũ hành.

² Đợt tu bổ này có sự tham gia, đóng góp của nhân dân địa phương cùng cố Hòa Thượng Thích Long Trí.

Hệ mái miếu lợp ngói âm dương (*kích thước ngói: 17 x 16cm*), bên trên bờ nóc hiên trang trí đồ án *lưỡng long triều dương* chất liệu ximăng, hệ đỡ mái gồm các thanh đòn dông, đòn tay và mè (*01 đòn dông, 08 đòn tay, 10 rui*).

Lối vào miếu gồm có 01 lối vào chính diện và 02 lối vào hai bên. Lối vào chính diện có dạng hình vuông, kích thước 218 x 144cm, không có cửa, hai bên đắp nổi cặp câu đối chữ Hán: 五祀古人皆自信 (*Ngũ tự cổ nhân giai tự tín*); 行前象得自然成 (*Hàng tiền tượng đắc tự nhiên thành*), 02 lối vào hai bên dạng hình chữ nhật, có cùng kích thước 66 x 139cm, không có hệ cửa. Nền miếu lát gạch men.

Bên trong miếu, vị trí sát tường trong cùng có xây một bệ thờ, kích thước: dài 218cm, cao 92cm, rộng 100cm. Quần bàn quét vôi màu vàng, viền kẻ vôi màu đỏ, không có đồ án trang trí. Bên trên bệ thờ có xây một bệ thờ nhỏ, kích thước: dài 100cm, cao 16cm, rộng 47cm, trên bệ thờ có đặt 02 tượng Ông Địa chất liệu bằng đất nung, hai tượng này có kiểu dáng và kích thước khác nhau: kích thước tượng bên trái (*từ ngoài nhìn vào*): cao 28cm, rộng 15cm; Kích thước tượng bên phải (*từ ngoài nhìn vào*): phần đế cao 11cm, phần tượng cao 19cm, rộng 13cm. Sát tường bệ thờ có vẽ một khám thờ, hình thức đơn giản (*nền quét vôi màu đỏ, viền màu xanh*), chính giữa khám thờ cẩn sành 02 chữ Hán: 五行 (*Ngũ hành*).

VII/ Các hiện vật trong di tích:

- 02 tượng Ông Địa (*chất liệu đất nung*).
- 01 trống.
- 01 chiêng.

VIII/ Giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích:

Trên cơ sở tìm hiểu về giá trị gắn liền với di tích, qua đó phản ánh được những biến động của lịch sử qua từng giai đoạn.

Di tích là nơi thường xuyên diễn ra các hoạt động, sinh hoạt tín ngưỡng đã góp phần gắn kết, thắt chặt tình cảm của cộng đồng cư dân địa phương.

Di tích không chỉ có giá trị về mặt kiến trúc nghệ thuật mà còn thể hiện được những giá trị văn hóa phi vật thể thông qua các hoạt động cúng tế với những lễ nghi truyền thống qua đó thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn từ bao đời nay của nhân dân Hội An nói riêng và người dân Việt Nam nói chung.

IX/ Thực trạng bảo vệ và phát huy giá trị di tích:

Miếu Ngũ hành (*khối Tu Lễ*) được nhân dân, chính quyền địa phương quan tâm, chung sức chăm lo, gìn giữ. Tuy nhiên, qua một thời gian dài tồn tại, di tích không tránh khỏi hư hao, xuống cấp. Hệ mái ngói miếu hiện xuống cấp nặng, các cấu kiện gỗ bị mối mọt. Hiện nay, ngôi miếu chưa có Ban quản lý di tích, các hoạt động cúng tế tại di tích do các vị cao niên trong tộc Trần Thanh đứng ra huy động nguồn lực từ nhân dân địa phương.

X/ Phương hướng bảo vệ và phát huy giá trị di tích:

Thành lập Ban quản lý di tích miếu, vận động ban quản lý thường xuyên trông coi bảo quản tạo điều kiện phát huy tối đa giá trị của di tích.

Lập hồ sơ khoa học cho di tích để tạo điều kiện nghiên cứu cũng như cơ sở pháp lý cần thiết cho việc bảo vệ di tích lâu dài.

XI/ Cơ sở pháp lý bảo vệ:

Luật Di sản văn hóa được ban hành tại quyết định số 28/2001/QH10 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa (2009).

Di tích được ghi vào danh mục bảo vệ của thành phố năm 2008.

XII/ Kết luận:

Ngôi miếu là một trong những công trình tín ngưỡng của cư dân địa phương đã được gây dựng từ lâu đời, trải qua thời gian dài cùng những biến động lịch sử nhưng ngôi miếu hiện vẫn gìn giữ được những giá trị vật thể, phi vật thể liên quan đến đời sống tín ngưỡng của người dân địa phương.

XIII/ Tài liệu tham khảo:

- Sách Danh mục Di tích - danh thắng Hội An.

PHÒNG QUẢN LÝ DI TÍCH
Trưởng phòng

(Đã ký)

Trương Hoàng Vinh

Hội An, ngày... tháng 6 năm 2017

Người lập

(Đã ký)

Trần Phương

XÁC NHẬN CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Phó Giám đốc

(Đã ký)

Trần Văn An